

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Sản Phụ khoa

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ THỊ ANH ĐÀO

2. Ngày tháng năm sinh: 16/10/1974; Nam; Nữ  Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 3A Phố Chợ Ngọc Hà phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): H10 BT 45 Khu đô thị Star lake Nguyễn Văn Huyền (kéo dài) phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0904261226;

E-mail: [leanhdao1610@gmail.com](mailto:leanhdao1610@gmail.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10 năm 1998 đến tháng 10 năm 2001: Học Nội Trú chuyên ngành Sản Phụ khoa tại Đại học Y Hà Nội.

Từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 6 năm 2003: Học Nội Trú Pháp chương trình Faisant Fontion d'Interne (FFI) tại Đại học Claud Bernard Lyon Cộng Hòa Pháp.

Từ tháng 9 năm 2003 đến tháng 2 năm 2005: Giảng viên tập sự tại Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội.

Từ tháng 2 năm 2005 đến tháng 9 năm 2009: Giảng viên của Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội và công tác tại Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương.

Từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 6 năm 2011: Giảng viên của Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội và công tác tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

Từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 9 năm 2011: Học tại Đại học Y Khoa Sydney, Úc.

Từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 8 năm 2018: Giảng viên của Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội và Phó Trưởng khoa Phụ A5 tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020: Giảng viên Chính của Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội và Phụ trách khoa Phụ Ngoại A5 Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 5 năm 2022: Giảng viên Chính của Bộ môn Phụ Sản Đại học Y Hà Nội và Trưởng khoa Phụ Ngoại A5 Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Phụ Ngoại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa Phụ Ngoại A5 Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 1 Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38523798

Cơ quan công tác thứ 2: Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội

Địa chỉ: 929 Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02438343181

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu: không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 09 năm 1997; số văn bằng: B44230; ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH tại chức tiếng Anh ngày 04 tháng 05 năm 1996; số văn bằng 31222. Chuyên ngành Tiếng Anh. Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 12 năm 2006; số văn bằng: 1015; ngành: Y học; chuyên ngành: Phụ Sản; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 12 năm 2006: số văn bằng: 006127/ số vào sổ cấp bằng 00312; ngành: Y học; chuyên ngành: Phụ Sản; Nơi cấp bằng TS: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Hà Nội
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

**Hướng nghiên cứu thứ nhất- Bệnh lý sảy thai liên tiếp** là một bệnh lý hay gặp với hệ thống nguyên nhân phức tạp đa dạng thuộc nhiều chuyên ngành, kết quả điều trị trước đây còn bấp bênh. Hai nhóm nguyên nhân mới được tìm hiểu tại Việt Nam trong khoảng 10 năm trở lại đây là hội chứng kháng phospholipid gây tăng đông máu và gen MTHFR bệnh lý gây rối loạn chuyển hóa homocystein. Kết quả của các nghiên cứu góp phần xây dựng sơ đồ chẩn đoán và phác đồ điều trị sảy thai liên tiếp theo nguyên nhân được áp dụng tại các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành. Kết quả đạt được của hướng nghiên cứu: 02 bài báo quốc tế; 01 báo cáo tại hội nghị Sinh Sản Châu Á-Thái Bình Dương ASPIRE 2021; hướng dẫn 01 thạc sỹ; 01 bác sỹ chuyên khoa cấp II, xuất bản 01 sách tham khảo dành cho học viên sau đại học chuyên ngành Sản Phụ khoa.

**Hướng nghiên cứu thứ hai: Các bệnh lý tại sẹo mổ lấy thai:** chữa trên sẹo mổ lấy thai, khuyết sẹo mổ lấy thai là 2 bệnh lý còn nhiều tranh cãi về phương pháp điều trị tại Việt Nam và trên thế giới. Kết quả của các nghiên cứu góp phần xây dựng phác đồ điều trị cho 2 bệnh lý này tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội với xu hướng hạn chế các can thiệp xâm lấn lớn, phát triển mũi nhọn nội soi trong Sản Phụ khoa. Hướng nghiên cứu được ứng dụng để đào tạo 01 thạc sỹ, 01 bác sỹ chuyên khoa cấp II trường Đại học Y Hà Nội. Các kết quả của nghiên cứu được giới thiệu trong giáo trình Sản Phụ khoa Tập 1 dành cho học viên sau đại học của trường Y Dược- Đại học Quốc Gia năm 2022.

**Hướng nghiên cứu thứ ba: các bệnh lý sản, phụ khoa lành tính**

Bệnh lý lạc nội mạc tử cung: Tham gia xây dựng đồng thuận về chẩn đoán và điều trị lạc nội mạc tử cung của khu vực Châu Á Thái Bình Dương năm 2019. Đồng thuận: “*Clinical Diagnosis and Early Management for Endometriosis: Consensus for Asia*” đã được báo cáo tại hội nghị Quốc Tế về Lạc nội mạc tử cung và bệnh lý tử cung SEUD 2021.

Nguyên nhân dị dạng mạch máu tử cung gây thủng tử cung, băng huyết được báo cáo hội nghị Liên đoàn Sản Phụ khoa Quốc tế FIGO năm 2021 (DOI:10.1002/ijgo13886) được đăng tải trên tạp chí International Journal of Gynecology Obstetrics (Q1).

Hướng dẫn nghiên cứu cho 05 thạc sỹ và 01 bác sỹ chuyên khoa cấp II trường Đại học Y Hà Nội.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS: Không
- Đã hướng dẫn 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT. Đang hướng dẫn 2 bác sỹ nội trú 45 làm đề tài thạc sỹ và 1 học viên Cao học của đại học Dược Hà Nội.

- Đã hoàn thành 4 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở là chủ nhiệm đề tài và 01 đề tài cấp thành phố là nghiên cứu viên chính.

- Đã công bố 45 bài báo khoa học, trong đó 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín: 01 bài Q1 IF 3,65; 02 bài Q2 IF 1,2 và 01 bài Q4 IF 0,29; Có báo cáo tại 3 hội nghị quốc tế uy tín Hội nghị FIGO 2021, ASPIRE 2021, SEUD 2021 và nhiều hội nghị lớn trong nước như: hội nghị Sản Phụ khoa Việt Pháp Châu Á Thái Bình Dương, Hội nghị Sản Phụ khoa Việt Pháp, hội nghị Mekong Sante, hội nghị HOSREM thường niên, hội nghị Khoa học Chỉ đạo tuyến chuyên ngành Sản phụ khoa Thành phố Hà Nội.

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

- Số lượng sách đã xuất bản 3 cuốn: 01 sách tham khảo là chủ biên thuộc nhà xuất bản Y học và tham gia viết 02 sách giáo trình của trường Đại học Y Hà Nội.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trung thành với Tổ Quốc, phấn đấu theo lí tưởng của Đảng và tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Yêu nghề và phấn đấu vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, luôn luôn phấn đấu làm theo lời thề Hippocrates và 12 điều Y đức.

Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời luôn hết lòng vì công việc vì sự phát triển của trường Đại học Y Hà Nội và sự nghiệp giáo dục.

Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực lối sống khiêm tốn, tích cực.

Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên luôn nhiệt tình hướng dẫn, nghiêm túc chân thành.

Chấp hành đầy đủ mọi nội quy, quy định trong giảng dạy của nhà trường bộ môn và bệnh viện.

Có đầy đủ giáo trình giáo án khi đứng lớp và luôn cập nhật làm mới phong phú cho bài giảng lý thuyết và thực hành.

Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, có nhiều học viên sau đại học tin tưởng theo học.

Chịu khó tìm hiểu các phương pháp điều trị mới tham gia nghiên cứu khoa học kết hợp giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao có những đóng góp tích cực trong bộ môn nhà trường và bệnh viện.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm 5 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	0	0	0	0	56	409	465/296,2/280
2	2017-2018	0	0	0	0	44	421	465/290,3/280
3	2018-2019	0	0	02ThS,01BSNT	0	40	473	513/472,5/320
03 năm học cuối								
4	2019-2020	0	0	02BSNT,01CK2	0	64	456	520/475,2/320
5	2020-2021	0	0	02ThS, 02 CK2	0	64	486	550/ 524,5/320
6	2021-2022	0	0	02 BSNT	0	64	457	521/443,5/310

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội; số bằng: 31222; năm cấp: 1996.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Hà Nội

Giảng dạy cho các khóa cử nhân điều dưỡng tiên tiến bằng tiếng Anh tại Đại học Y Hà Nội và các sinh viên nước ngoài đến học tập tại Đại học Y Hà Nội: sinh viên Úc theo chương trình Học Mãi tại Phụ Sản Hà Nội bằng tiếng Anh.

d) Đối tượng khác ; sinh viên Pháp diện trao đổi với Đại học Y Hà Nội bằng tiếng Pháp.

3.2 Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngoại ngữ Tại chức năm 1996 và Chứng chỉ Tiếng Anh cấp độ B2 Khung Châu Âu năm 2014.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hằng		Nội trú	v		2017-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
2	Nguyễn Gia Cường		Cao học	v		2017-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
3	Phan Đức Long		Cao học	v		2017-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
4	Lương Hoàng Thành		Nội trú	v		2018-2020	Đại học Y Hà Nội	21/1/2021
5	Phạm Thị Kim Yến		Nội trú	v		2018-2020	Đại học Y Hà Nội	21/1/2021
6	Lưu Thị Anh		CK2	v		2018-2020	Đại học Y Hà Nội	11/1/2021
7	Vũ Trường Giang		Cao học	v		2019-2021	Đại học Y Hà Nội	28/2/2022
8	Trần Văn Dũng		Cao học	v		2019-2021	Đại học Y Hà Nội	28/2/2019
9	Vũ Thị Trúc		CK2	v		2019-2021	Đại học Y Hà Nội	28/2/2022
10	Trần Bảo Châu		CK2	v		2019-2021	Đại học Y Hà Nội	28/2/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Bài giảng kỹ năng y khoa	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học	Nhiều tác giả		360-363	2202/QĐ-ĐHYHN
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Bài giảng Sản khoa	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học 2021	Nhiều tác giả		250-261	
3	Sảy thai liên tiếp và hội chứng kháng phospholipid	Tham khảo	Nhà xuất bản Y học 2022	1	v	Tất cả	927/QĐ-ĐHYDCT

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	So sánh hiệu quả 2 phác đồ điều trị viêm phần phụ cấp cho phụ nữ trẻ chưa đủ con tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	Chủ nhiệm	Số 2732/QĐ-SYT Đề tài cấp cơ sở	2015	29/6/2016 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Đánh giá sự thay đổi dự trữ buồng trứng bằng Anti-mullerian hormone (AMH) sau mổ bọc nang lạc nội mạc tử cung tại buồng trứng	Nghiên cứu viên chính	676/QĐ-SKH&CN Đề tài cấp Thành phố Hà Nội	2015	22/11/2017

3	Nghiên cứu vai trò của gen MTHFR ở thai phụ có tiền sử sảy thai liên tiếp	Chủ nhiệm	2613QD/PS-TTĐT-CĐT Đề tài cấp cơ sở	2018	13/12/2019 Xuất sắc
4	Đánh giá kết quả điều trị chữa kẽ vòi tử cung bằng Methotrexate đa liều	Chủ nhiệm	2612QD/PS-TTĐT-CĐT Đề tài cấp cơ sở	2018	13/12/2019 Xuất sắc
5	So sánh hiệu quả điều trị chữa trên sẹo mổ lấy thai 8-10 tuần bằng phương pháp nội khoa kết hợp hút thai với mổ mở tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	Chủ nhiệm	455QĐ/PS-TTĐT-CĐT Đề tài cấp cơ sở	2021	23/3/2022 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Một số nhận xét về sảy thai liên tiếp tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương năm 2018	1	v	Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Tập 728, số 7 Trang 77-81	2010
2	Báo cáo trường hợp ứ máu kinh do hội chứng Herlyn-Werner-Wunderlich tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3	v	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			Tập 15 phụ bản số 2 Trang 71-73	2011



3	Nghiên cứu một số nguyên nhân và yếu tố liên quan đến sảy thai liên tiếp tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	3		Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Tập 817 số 4 Trang 91-94	2012
4	Kháng thể kháng cardiolipin trong sảy thai liên tiếp đến 12 tuần	3	v	Nghiên cứu Y học ISSN 0868-202X			Tập 80 N <sup>o</sup> 3B Trang 45-50	2012
5	Báo cáo trường hợp xoắn tử cung khi có thai 35 tuần tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3		Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Tập 873 số 6 Trang 128-131	2013
6	Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của u nang buồng trứng dạng lạc nội mạc tử cung tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3	v	Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Tập 935 Trang 95-99	2014
7	Nhận xét kháng thể lupus đông máu và kháng cardiolipin ở bệnh nhân sảy thai liên tiếp dưới 12 tuần	5	v	Tạp chí Phụ Sản ISSN 1859-3844			Tập 12 số 2 Trang 112-115	2014
8	Đánh giá hiệu quả của aspirin và heparin trọng lượng phân tử thấp trong điều trị sảy thai liên tiếp do hội chứng kháng phospholipid	3	v	Tạp chí Phụ Sản ISSN 1859-3844			Tập 12 số 4 (Phụ bản) Trang 20-23	2014
II	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
	<b>Các bài báo, báo cáo khoa học quốc tế</b>							
9	Analysis of the cause of recurrent pregnancy loss in Vietnam: a cross sectional study doi:10.1080/07399332.2017.1391264.	4	v	Health care for Women International ISSN 1096-4665	Scopus Q2 Thuộc ISI Bộ sưu tập SCCI Pubmed IF 2016- 2017 1.2	4	Vol 39 issue 4 Page 463-471	15/12/20 17

10	Progress on maternal health care in Vietnam: Findings from Vietnam multiple indicator cluster survey 2000,2006,2011 and 2014 <a href="https://doi.org/10.1080/07399332.2017.1405960">doi:10.1080/07399332.2017.1405960</a>	6		Health care for Women International ISSN 1096-4665	Scopus Q2 Thuộc ISI Bộ sưu tập SCIE Pubmed IF 2016-2017 1.2	12	Vol 39 issue 4 Page 368-376	15/12/2017
11	Heavy uterine bleeding in adolescent caused by uterine vascular lesion: a case report <a href="https://doi.org/10.1002/ijgo.14004">https://doi.org/10.1002/ijgo.14004</a>	6	v	International Journal of Gynecology and Obstetrics ISSN 1879-3479	Scopus Q1 Thuộc ISI bộ sưu tập SCIE Thuộc Pubmed IF 3,561		Nov 4 Page 1-5	4/11/2021
12	Associations of MTHFR and PAI-1 4G/5G polymorphisms with unexplained recurrent pregnancy loss <a href="https://www.imj-994.com/past-issues/29-1/">https://www.imj-994.com/past-issues/29-1/</a>	3	v	International Medical Journal ISSN 2436-329	Scopus Q4 Pubmed IF 0.29		Vol 29 Issue 1 Page 20-22	2022
13	Bài báo cáo: “Clinical Diagnosis and Early Management for Endometriosis: Consensus for Asia”	19		Hội nghị Lạc nội mạc tử cung và bệnh lý tử cung- Society of Endometriosis and Uterine Disorders (SEUD) 2021				
<b>Các bài báo khoa học trong nước</b>								
14	Tìm hiểu kháng thể kháng cardiolipin ở bệnh nhân có tiền sử sảy thai liên tiếp	3	v	Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Số 5 (1010) Trang 172-175	2016
15	The role of maternal age in fetal development	2	v	Journal of Medical Research (Hanoi Medical University) ISSN 2354-080X			105 E1 N <sup>07</sup> Page 103-108	2016

16	Tìm hiểu các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của chữa góc và kê vôi tử cung	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 462 Tháng 1 số 1 Trang 170-173	2018
17	Tìm hiểu tình trạng thai chậm phát triển trong tử cung ở thai phụ mắc hội chứng kháng phospholipid	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 462 Tháng 1 số 1 Trang 141-144	2018
18	Báo cáo trường hợp u xơ tử cung trên bệnh nhân mắc hội chứng Rokitanski Kuster Hauser	3	v	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Y Dược (VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences) ISSN 2588-1132			Tập 34 số 1 Trang 103-106	2018
19	So sánh tác dụng không mong muốn của gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp ropivacain – fentanyl với bupivacain-fentanyl để giảm đau trong chuyển dạ đẻ	2		Y Dược Lâm sàng 108 ISSN 1859-2872			Tập 13 số 4 Trang 80-86	2018
20	Phân tích một số yếu tố liên quan đến bệnh nhân chữa ngoài tử cung tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2		Y học Thực hành ISSN 1859-1663			Số 2 (1090) Trang 36-39	2019
21	Tìm hiểu về gen MTHFR ở những thai phụ có tiền sử sảy thai liên tiếp không rõ nguyên nhân tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2019	4		Tạp chí Phụ Sản ISSN 1859-3844			Tập 17 số 2 Trang 6-10	2019

22	Trường hợp lâm sàng dò kênh cổ tử cung – khoang cạnh cổ tử cung trong ổ bụng trên bệnh nhân tử cung 2 buồng	3	v	Tạp chí Y Dược học Bộ Y Tế ISSN 2734-9202			Số 11 tháng 12 Trang 157-160	2019
23	Đặc điểm bệnh nhân tách dính buồng tử cung bằng phẫu thuật	2	v	Y học Lâm sàng Bệnh viện Bạch Mai ISSN 1859-3593			Tập 119 Số 2 Trang 80-84	2020
24	Đặc điểm lâm sàng của thai phụ sảy thai liên tiếp không rõ nguyên nhân mang gen methylenetetrahydrofolate reductase bệnh lý	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 11 số 2 Tập 508 Trang 119-123	2021
25	Bước đầu đánh giá kết quả điều trị folat ở bệnh nhân sảy thai liên tiếp mang gen MTHFR đột biến	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 11 số 2 Tập 508 Trang 75-78	2021
26	Nhận xét tình hình phẫu thuật u buồng trứng ở phụ nữ mãn kinh tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2		Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 12 số 1 Tập 509 Trang 162-165	2021
27	Tìm hiểu vai trò của CA 125, HE4 và ROMA test trong dự đoán ung thư buồng trứng tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 1 số 1 Tập 510 Trang 263-266	2022
28	Nhận xét kết quả điều trị soi buồng tử cung tách dính tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2020	3	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 1 số 2 Tập 510 Trang 141-145	2022

29	Dị dạng mạch máu tử cung: Báo cáo chùm ca lâm sàng, chẩn đoán và cách xử trí	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tháng 1 số 2 Tập 510 Trang 227-232	2022
30	Điều trị chữa trên sẹo mổ lấy thai bằng phương pháp tiêm methotrexate phối hợp hút thai tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 511 Tháng 2 số 2 Trang 238-242	2022
31	Tìm hiểu đặc điểm của các bệnh nhân chảy máu sau hút chữa trên sẹo mổ lấy thai	1	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 511 Tháng 2 số 2 Trang 266-270	2022
32	Nhận xét các đặc điểm của bệnh nhân chữa kẽ vòi tử cung điều trị bằng methotrexate đa liều	2	v	Tạp chí Đại học Y Dược Cần Thơ ISSN 2354-1210			Số 46 Tháng 3 Trang 111-118	2022
33	Nhận xét kết quả điều trị chữa trên sẹo mổ lấy thai tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2019-2020	3	v	Tạp chí Đại học Y Dược Cần Thơ ISSN 2354-1210			Số 46 Tháng 3 Trang 105-111	2022
34	Kết quả điều trị của phương pháp hút thai trên sẹo mổ lấy thai và các yếu tố liên quan	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 512 Tháng 3 số 2 Trang 166-171	2022
35	Xử lý khối máu tụ-rau sau hút chữa trên sẹo mổ lấy thai tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	1	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 512 Tháng 3 số 2 Trang 81-85	2022
36	Đặc điểm khuyết sẹo mổ lấy thai sau mổ 12 tuần tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 512 Tháng 3 số 2 Trang 28-32	2022
37	Kết quả thai kỳ của các thai phụ đẻ song thai một bánh rau hai buồng ối tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 513 Tháng 4 số 1 Trang 46-49	2022

38	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân quá sản niêm mạc tử cung tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 513 Tháng 4 số 1 Trang 197-200	2022
39	Nhận xét đặc điểm của thai phụ phá thai to tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 513 Tháng 4 số 2 Trang 264-268	2022
40	Điều trị quá sản niêm mạc tử cung điển hình bằng Mirena tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 513 Tháng 4 số 2 Trang 143-147	2022
41	Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến nhiễm Human papilloma virus (HPV)	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 513 Tháng 4 số 2 Trang 46-52	2022
42	Evaluating multi-dose intramuscular administration of methotrexate in early stage of interstitial ectopic pregnancy	1	v	Journal of Clinical Medecine Hue Central hospital ISSN 1859-3895			N <sup>o</sup> 78 Page 45-50	2022
43	Bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị kháng sinh dự phòng cefazolin trong phẫu thuật phụ khoa tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 514 Tháng 5 số 1 Trang 288-293	2022
44	Đặc điểm lâm sàng, siêu âm và kết quả giải phẫu bệnh lý của bệnh nhân mãn kinh phẫu thuật u buồng trứng tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 514 Tháng 5 số 1 Trang 326-330	2022
45	Phân tích đặc điểm người bệnh và hiệu quả của mũi khâu B-lych trong điều trị chảy máu sau đẻ tại bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	2	v	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			Tập 514 Tháng 5 số 1 Trang 204-207	2022

- Trong đó: 03 bài báo quốc tế là tác giả chính sau Tiên sỹ: bài (9), (11) và (12).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg):

Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Lê Thị Anh Đào**